

Ngô Đình Nhu - Một Nhà Chiến Lược



Chân dung Ông Ngô Đình Nhu (1910-1963)

I. Thân Thế Ngô Đình Nhu

Thời Thơ Ấu Và Thanh Niên, 1910-1955

Ông Ngô Đình Nhu (1910- 1963), sinh ngày 3 tháng 10 năm 1910 (có tài liệu ghi 1911 ở Huế) tại làng Đại Phong, huyện Lệ Thủy tỉnh Quảng Bình, lúc nhỏ đi tu tại Tiểu chủng viện An Ninh, Cửa Tùng, Quảng Trị được một thời gian thì hồi tục. Khác với nhiều người trong gia đình theo ngành học có xu hướng cựu học, cậu Nhu cùng với cậu Luyện, được gia đình cho đi du học Pháp theo Tây học khoảng đầu thập niên 1930.

Trong những năm 1935-38, các thanh niên sinh viên Trần Văn Chương, Trần Đức Thảo, Phạm Duy Khiêm, Nguyễn Mạnh Tường đang theo học bên Trường Luật và Văn Khoa tại Viện Đại Học Sorbonne, Paris, thì sinh viên Ngô Đình Nhu theo học Trường Quốc Gia Cổ Điển Học (Ecole Nationale des Chartes^[1])

Điều kiện nhập học là ứng sinh phải có Văn Bằng Tú Tài Toàn Phần theo chương trình Pháp. Mỗi khóa học kéo dài trong 4 năm, khi đó thường chỉ nhận 20 tuyển sinh. Trong các sinh viên Việt Nam, chỉ một mình cậu

Ngô Đình Nhu trúng tuyển. Sau Nhu, có sinh viên Nguyễn Thiệu Lâu, nhưng Lâu chỉ học được một năm, thì phải bỏ dở vì lý do sức khỏe tâm lý. Anh Ngô Đình Nhu có trí khôn thông minh sắc bén và thâm trầm, ít nói và thường chìm đắm trong suy tư, có xu hướng tích cực tham gia đời sống trí thức xã hội.

Sinh viên Ngô Đình Nhu làm tiểu luận kết thúc khóa học với nhan đề là: "**Les Moeurs Et Les Coutumes Des Annamites Du Tonkin Au XVIIe Siècle**[2]. (*Phong Tục Tập Quán Của Người An Nam ở Bắc Kỳ vào thế kỷ XVII*)

Trong danh sách các thí sinh tốt nghiệp năm 1938, sinh viên Nhu được xếp cuối cùng ba trong số mười ba sinh viên trình luận văn tốt nghiệp, nhưng không theo thứ tự ABC[3].

Nhưng trong một bài viết của Nguyễn Lý Tưởng không biết dựa vào nguồn tư liệu nào, tác giả đã ghi Ngô Đình Nhu làm đề tài có tên khác[4]

Anh Nhu tốt nghiệp Khoa Cổ Điển Học năm 1938 [có học giả ghi là những năm 1930]. Văn bằng tốt nghiệp này tương đương Văn Bằng Cử Nhân Văn Chương Pháp.

Lập Gia Đình Với Cô Trần Lệ Xuân

1. Tân khoa Ngô Đình Nhu về nước được bổ trước hết làm Quản Thủ Văn khố Toà Khâm Sứ Huế (1943) sau ra Hà Nội làm việc tại Thư Viện Trường Viễn Đông Bác Cổ và Tổng Văn Khố Quốc Gia (1945, thời Thủ Tướng Trần Trọng Kim), tức Giám Đốc Quản Thủ Thư Viện Trung Ương Đông Dương tại Hà Nội. Vào thời gian ấy, anh thanh niên Ngô Đình Nhu năng tham gia tích cực những lớp huấn luyện thanh niên Công giáo về xã hội. Đúng như hồi ức hiếm có của một chứng nhân tuổi nhỏ khi đó ở Hà Nội:

*"...Nhớ lại, khi ấy, tôi còn rất trẻ. Tôi đã đôi lần theo anh cả tôi "đi học" một người là ông **Ngô Đình Nhu**. Không biết bằng cách nào, do ai nói mà tôi vẫn nhớ đĩnh ninh đó là những lớp học về xã hội. Sau này, đọc sách vở thì tôi hiểu đó là những khóa huấn luyện cho thanh niên hồi đó.*

*Đầu óc làm chính trị, nhìn xa nên nhóm ông Nhu đã mở ra các lớp huấn luyện này để chuẩn bị khi thời cơ đến. Thành phần những người theo học, căn cứ vào anh cả tôi thì họ phải có trình độ tương đương tú tài hoặc hơn thế nữa. Chắc phần lớn là người theo đạo Thiên Chúa giáo. **Các buổi học đều diễn ra vào buổi chiều thứ năm, tại 40 phố Nhà Chung Hà Nội.***

Tại sao tôi lại nhớ là **chiều thứ năm**? Bởi vì tôi theo học tại trường Dòng Chúa Cứu Thế nên ngày thứ năm là ngày "sortie", chúng tôi được nghỉ đi chơi hoặc về thăm gia đình. Tôi về thăm chỗ anh tôi nên bắt buộc phải đi theo anh tôi "theo học" lớp Xã hội. Có lẽ, tôi là học viên trẻ tuổi nhất ngồi hàng ghế cuối. Phòng học chỉ có một cửa lớn ra vào nên mọi người phải đi qua cửa này để vào phòng học.

Trong những dịp này, tôi được nhìn thấy ông Ngô Đình Nhu. Dưới mắt một đứa bé con thì anh tôi là người tài giỏi hơn người..."

"...Vậy mà ông này, cái ông dáng người cao gầy, da nám xám, mái tóc rậm đen lại còn là **thầy dạy anh tôi**. Ông phải giỏi biết chừng nào. Nhìn ông mà trong lòng chỉ biết nể phục.

Ông Nhu luôn luôn mặc loại áo bốn túi bỏ ra ngoài. **Áo bốn túi màu nâu hồng nhạt. Áo mặc khá dãn dị. Cười nhếch mép và nhẹ nhàng khi đi qua những người đứng trước cửa. Ít nói và điềm đạm.**

Mặc dù chỉ là ký ức của một đứa trẻ con, tôi nghĩ rằng nay nhắc lại có thể giúp thêm sử liệu về những hoạt động của ông Nhu khi còn ở Hà Nội. Việc ông lấy bà Nhu cũng đã gây một dư luận khá ồn ào lúc bấy giờ ở Hà Nội. Vì một lẽ dãn dị là cả hai ông bà đều thuộc những gia đình danh gia vọng tộc"[5]

2. Sau biến cố chính trị tháng 8/1945, Ngô Đình Nhu tiếp tục làm ở Văn Khố theo bổ nhiệm của Bộ Trưởng Võ Nguyên Giáp[6]. E. Miller có nói "dường như" Ngô Đình Nhu vẫn giữ công việc của mình tại Thư viện Quốc gia trong suốt quãng thời gian Hà Nội nằm dưới sự kiểm soát của Việt Minh theo các điều hiểu biết của tác giả bài viết "Lịch sử đầy đủ về gia đình Cụ Ngô-Đ.-Diệm", trong báo Saigon Mới, ngày 23 tháng 6 năm 1954. Nhưng với các chứng liệu người viết đã thu thập, thì việc ông Nhu ở lại Hà Nội làm việc sau biến cố Mùa Thu 1945 là chắc chắn. Điều này chứng tỏ tinh thần ái quốc và dân tộc tích cực của Ngô Đình Nhu rất cao trong luồng diễn biến chung các sự kiện lịch sử của cả nước lúc đó[7]

Sau hai thanh niên sinh viên Nhu và Lâu, thì mãi đến năm 1966, mới có một nữ sinh viên Việt Nam tốt nghiệp khoa này là cô Đặng Phương Nghi[8]. Cô Nghi sau về nước làm Giám Đốc Thư Viện Trung Ương VNCH I ở Sài Gòn.

Chính thời gian học ở Paris, Pháp, hai gia đình và hai thanh niên Ngô Đình Nhu và Trần Văn Chương đã có cơ hội quen biết nhau.

Khi làm Quản Thủ Thư Viện Trung Ương tại Hà Nội, Ngô Đình Nhu hơn cô nữ sinh Trần Lệ Xuân 15 tuổi. Năm 1943, Xuân đậu Tú Tài I Pháp,

dự định thi xong Tú Tài 2 sẽ học ngành Luật theo gương cha. Nhưng do mối quan hệ từ lâu giữa hai gia đình Trần Ngô, nên hai danh tộc sớm chuẩn bị gả con cho nhau và ưng thuận trở thành Thông Gia

3. Từ lúc còn ở trung học, một người tên là Hoàng Việt có một thời được giới thiệu làm gia sư, phụ giáo cho Trần Lệ Xuân khi cô mới được 17 tuổi, để học ăn học nói xõi tiếng Việt và cách cư xử khi ra trường đời theo thói quen của nhiều danh gia vọng tộc quyền quý thời đó. Sự chênh lệch về tuổi tác ngay lúc đó ở Hà Nội giữa hai người gây nhiều dư luận xôn xao, nhất là sau chính biến 1/11/1963, trong tương lai.

Để có thể tiến hành việc hôn nhân, theo tinh thần Công giáo, Cô Trần Lệ Xuân ưng thuận từ bỏ Phật Giáo, chấp nhận đức tin mới, tự nguyện xin gia nhập Công giáo và chịu phép Thánh Tẩy theo nghi thức Công giáo ở Nhà Thờ Lớn Hà Nội, do chính Giám mục Ngô Đình Thục chủ lễ với nhiều quan chức đạo đời tham dự. Khi đó là năm 1943.

Chỉ khoảng gần nửa tháng sau là cô Xuân rửa tội, hai họ Ngô Trần tổ chức ngay Hôn Lễ. Thánh Lễ Hôn Phối được tổ chức trọng thể tại Nhà Thờ Lớn Hà Nội vẫn do Giám Mục Ngô Đình Thục làm chủ tế, có Giám Mục F. Chaize Thịnh, quản nhiệm Địa Phận Hà Nội, cùng tham dự, với đông đảo Linh mục, nam nữ tu sĩ và giáo dân Pháp, Nam và nhiều quý khách, thân hữu ngoài đời thường của hai họ Ngô, Trần^[9].

Về phía họ nhà gái, nhiều thân chủ sang trọng của gia đình Luật Sư Trần Văn Chương, có nhiều nhân vật quốc tế trong giới ngoại kiều như Pháp, Nhật, Hoa, các quan lại Nam triều. Đám cưới diễn ra trong khi người Nhật vẫn còn đang chiếm đóng Đông Dương, đang tranh chấp gay go với phe đồng minh, tuy thế thẳng đang nghiêng dần ngày càng rõ rệt về phía Mỹ ở chiến trường Á Đông Thái Bình Dương.

Chiến trường Việt Nam đang chịu nhiều áp lực của quân đội Đồng Minh, mà chủ yếu là những cuộc không tạc chiến lược của quân đội Hoa Kỳ trên khắp các vùng có quân Nhật chiếm đóng. Dù tình hình căng thẳng như thế, vẫn có đến mấy chục xe hơi của quý khách và thân nhân tham dự đậu dài bên đường Gambetta Hà Nội, nơi cư ngụ của gia đình họ Trần cùng với văn phòng làm việc của Luật Sư Trần Văn Chương.

Đến tham dự thánh lễ hôn phối, người ta thấy cô dâu Trần Lệ Xuân đẹp đẽ, duyên dáng, e ấp trong bộ đồ cưới trắng toát, có dát kim tuyến óng ánh vương giả, theo sau có hai cháu bé tay nâng đuôi áo cưới, tay cầm cành thiên tuế. Sau Thánh lễ hôn phối theo nghi thức Công giáo, cô dâu vào bên trong nhà mặc áo, thay bộ quốc phục quần trắng áo dài gấm đỏ tha thướt, thêu vàng, đầu đội khăn màu thiên thanh, quần nhiều vàng gần giống lễ phục vương giả của Bà Nam Phương trong ngày lễ thành hôn với Vua Bảo Đại. Pháo hồng tươi nổ dồn dập kéo dài khét lẹt trước dãy phố

có tòa biệt thự của gia đình Luật Sư Trần Văn Chương. Xác pháo bây giờ trải đầy xác pháo hồng trên đường, ngập đến hết bàn chân của nhiều khách bộ hành đi qua lại trên mặt phố.

Đám rước dâu bên nhà trai đi đón dâu với tốp hai trẻ, tốp thứ nhất cầm hai đèn lồng đi trước, theo sau là tốp hai trẻ khác cầm hai hành thiên tuế, nối tiếp với một đám tùy tùng đông đảo các trẻ em ôm hai con ngỗng trắng, câu án có bốn lọng đỏ, cau lồng, rượu ché, heo đóng cũi, bò đeo bông, ... kiểu truyền thống vọng tộc đất Thần Kinh xứ Huế. Cô dâu được rước về quê nhà họ Ngô ở Phú Cam, Huế theo lễ nghi trang trọng.[10]

Dấn Thân Vào Hoạt Động Xã Hội, Chính Trị

Đôi trai tài gái sắc thành hôn chỉ được khoảng hai năm sau, thì hàng loạt chính biến tháng 8 và 9 năm 1945 lần lượt diễn ra trên cả nước từ Bắc Trung Nam. Kỷ niệm đau lòng đối với những người kháng chiến quốc gia khi ấy là lực lượng Việt Minh đã lợi dụng tình thế truy lùng và sát hại rất nhiều nhân vật và cơ sở của các đảng viên và chính đảng không có xu hướng Cộng Sản, dường như muốn giành lấy hết công lao và vinh dự của một mình phong trào Việt Minh lãnh đạo kháng chiến giành độc lập cho dân tộc.

Vì thế, lúc đó khi được tin người anh là ông Ngô Đình Diệm bị Việt Minh bắt giữ, Ngô Đình Nhu đang làm việc tại Thư Viện Đông Dương, và đang tham gia vào kế hoạch cải tổ cho nền giáo dục toàn quốc. Theo một nguồn tin có chứng liệu[11], ông Nhu là 1 trong 14 thành viên trong Ban Cải Cách Giáo Dục, phụ trách Chương Trình Trung Học, do Bộ Trưởng Giáo Dục Hoàng Xuân Hãn lãnh đạo. Nhà sử học cần mẫn của Mỹ đã nghiên cứu tỉ mỉ vào những hoạt động của Ngô Đình Nhu có nhận xét ông này có cá tính riêng biệt.[12] Nhưng chắc các biến cố, có thể nguy hiểm cho bản thân và gia đình, cùng mưu tính hoạt động chính trị ái quốc không theo kiểu Cộng Sản, đã khiến ông phải vội bỏ nhiệm sở, tìm đường chạy vào tá túc ở Thanh Hóa, Phát Diệm, còn Bà Trần Lệ Xuân một mình vội tìm đường chạy thoát về Phú Cam. Có lẽ sau ngày 19/12/1946, ngày toàn quốc kháng chiến chống Pháp do phong trào Việt Minh phát động, thì Ông Nhu mới chạy vào khu Tư ở vùng Thanh Nghệ, có lần thám sát vùng biên giới Lào Việt ở khu vực đó. Cuộc đời và sinh hoạt của gia đình Ngô tộc không tách rời với bối cảnh liên hệ chung của những thành phần khác[13]. Ông Nhu cùng với nhóm an hem đồng chí hướng âm thầm nhưng tích cực chuẩn bị cho kế hoạch lên nắm quyền của ông Ngô Đình Diệm.

Biến Cố Ngô Đình Khôi, Ngô Đình Huân và Phạm Quỳnh (28/8/1945)

Trong lúc biến cố diễn ra, sau khi Nhật đầu hàng, Việt Minh cướp chính quyền ở Hà Nội, có lẽ ông Ngô Đình Khôi khuyên vua Bảo Đại đừng trao chính quyền cho Việt Minh do Hồ Chí Minh lãnh đạo. Ông đã tương kế tựu kế xử dụng người Nhật một cách khôn khéo cầm cự với phong trào Việt Minh... Có thể vì lý do đó, ngày 28-08-1945, ông Ngô Đình Khôi^[14] (1891?-1945) bị Việt Minh dẫn đi và thủ tiêu cùng với con trai ông là Ngô Đình Huân và Phạm Quỳnh (Thượng Thư Bộ Lại, thời Bảo Đại).

Giới chức CSVN sau khi cưỡng chiếm cả nước mới tiết lộ và nhìn nhận sự thật phũ phàng này. Việc bắt giết đó nhằm mục đích trả thù cá nhân dưới mỹ từ đẹp đẽ nhưng sắt máu "*đấu tranh giai cấp*", kiểu "*đấu tố địa chủ cường hào*". Cách hành động này không xét xử và tuyên án công khai, được nhập khẩu và chỉ đạo từ Trung Quốc Cộng Sản diễn ra trên khắp phần đất do CSVN kiểm soát, nhất là trong những năm 1950-1955.

Ông Ngô Đình Khôi (1895 ?-1945): tốt nghiệp trường Quốc Tử Giám ở Huế, năm 1910, bắt đầu làm việc ở Bộ Binh dưới quyền Thượng Thư Nguyễn Hữu Bài và cưới cô Nguyễn Thị Giang, con gái Ông Nguyễn Hữu Bài làm vợ. Dần dần Ông lên đến Tổng Đốc Nam-Ngãi (1930) rồi Tổng Kinh Lược các tỉnh miền Nam Trung Kỳ (1933). Năm 1943 ông hoạt động công khai, ủng hộ Kỳ Ngoại Hầu Cường Để lúc đó đang tá túc ở Nhật, nên ông phải từ bỏ các nhiệm vụ ở Nam triều do người Pháp kiểm soát.

Ông Ngô Đình Khôi cai quản trên đất Quảng Nam và ông Ngô Đình Huân làm thanh tra lao động. Tài liệu CS sau này có nói Ngô Đình Huân làm Hiến Binh (?) cho quân đội Nhật với dụng ý lên án cha con ông làm tay sai cho Nhật, nhưng thực ra việc làm của họ đều gây khó khăn nhất định cho các hoạt động khuấy đảo tàn bạo của Cộng Sản Việt Nam trên đất Quảng Nam.

Hai cha con đều bị tay chân Việt Minh ở địa phương sát hại ban đêm tại Hát Phú, cách Huế 20 cây số. Ngày 28 Tết năm 1958, gia đình họ Ngô mới tìm thấy hài cốt cha con cùng chôn một hố chôn chung với thượng thư Phạm Quỳnh. Tử thi của cả ba người đều được thân nhân nhận diện và cải táng. Sau đó di cốt của hai cha con ông Khôi được chôn lại trong nghĩa trang gia đình tại Phú Cam, Huế.

Nhóm Hoạt Động Xã Hội Cần Lao

1. Trước khi chiến tranh Việt Pháp bùng nổ vào cuối năm 1946, thì người ta mới phát hiện ông Ngô Đình Nhu thoát khỏi Hà Nội. Trước khi đến Thanh Hóa, Ngô Đình Nhu cùng với Hoàng Bá Vinh và một số thân hữu nòng cốt về Phát Diệm lập khu an toàn. Chính thời gian này ông Nhu mạnh

nha thành lập cùng với nhiều người đồng chí hướng, tổ chức **Liên Đoàn Kháng Chiến Cần Lao Việt Nam**.

Khi Việt Minh bị quân Việt-Pháp đánh bật khỏi Hà Nội, thì ông Nhu trở lại Hà Nội, với một Linh Mục mà tài liệu Cộng Sản Việt Nam gọi tên là Trọng, đem theo một cán bộ quốc gia có bản lĩnh, nói là ở Điền Hộ, từ Hà Trung mới ra. Nhân vật này, người nhỏ bé, xuất thân từ chủng viện Thanh Hóa, tính tình thông minh điềm đạm. Theo Lương Khải Minh ghi lại, đó là một thanh niên tự xưng là Bác Sĩ Trần Kim Tuyến, sau này cầm đầu ngành tình báo một thời trong chế độ Ngô Đình Diệm^[15]:

Chính tại Thanh Hóa Phát Diệm, ông Nhu cùng một số nhân sĩ trí thức đã chuẩn bị cơ cấu ban đầu nhân sự và tổ chức, thành lập Đảng Cần Lao sau này làm nòng cốt cho tổ chức chính trị của chế độ Việt Nam Cộng Hòa từ 1954-1963. Nhưng đồng chí nòng cốt đầu tiên là: LS Lê Quang Luật, Hoàng Bá Vinh, Trần Kim Tuyến, Đái Đức Tuấn, tức Mai Nguyệt, Tchya, với tên gọi ban đầu là **Nhóm Xã Hội Công Giáo** (1946-1954) là nhóm cột trụ sau này của Đảng Cần Lao Nhân Vị.

Về tới Hà Nội, ông Nhu mới hay biết vợ ông vẫn sống bình an và còn ở Huế. Nhưng sau đó ông lại được tin vợ ông đã về Đà Lạt^[16] với gia đình người chị là Lệ Chi (1947-1951). Dần dần ông Nhu bắt lại liên lạc với Giám Mục Ngô Đình Thục ở Vĩnh Long, và ông Ngô Đình Luyện ở Sài Gòn. Sau chính biến Tháng Tám 1945, ông Ngô Đình Diệm bị CS bắt giữ (như đã nói trên), rồi giải giam tại Việt Bắc, nhưng với sự can thiệp của Giám Mục Lê Hữu Từ, cùng vì nhiều áp lực từ tình hình chính trị phức tạp trong nước và quốc tế, Hồ Chí Minh phải trả tự do cho Ngô Đình Diệm đầu năm 1946, như một chiến lược tương kế tựu kế, thu phục nhân tâm nhân sĩ và quan lại của cựu trào.

2. Ở Hà Nội, theo một số tài liệu, ông Ngô Đình Diệm tá túc tại Dòng Chúa Cứu Thế ở khu tu viện Nhà Thờ Nam Đồng ở Thái Hà Ấp.

Chính từ đây ông Ngô Đình Diệm dần dần mở rộng liên lạc lại được với các nơi. Thời kỳ này ông Ngô Đình Diệm đã tiếp xúc với Linh Mục Nguyễn Văn Thính. Từ Nhà thờ Nam Đồng, mấy cán bộ thân tín, như Nguyễn Văn Châu (sau này làm đại tá, Giám Đốc Nha Chiến Tranh Tâm Lý, Bộ Quốc Phòng, Việt Nam Cộng Hòa), Đỗ Mậu (sau này làm đại tá An Ninh Quân Đội) sang Phúc Xá liên lạc với Linh Mục Bằng. Khi Linh Mục Bằng bị bắt giết, ông Ngô Đình Diệm vào Sài Gòn tá túc tại nhà ông Ngô Đình Luyện (ở số 2, Đường Armand Rousseau (tức số 8 Đường Nguyễn Văn Tráng sau này). Nơi này về sau chính là cơ sở Trường Y Khoa thuộc Viện Đại Học Minh Đức

Khi nghe tin vợ đang ở Đà Lạt, ông Nhu liền tìm lên theo. Trong cảnh nhiều nương bắp bênh, cặp vợ chồng trẻ sống chật vật nhưng can đảm và hết tình trong cảnh thất lưng buộc bụng thiếu thốn đạm bạc. Bà Nhu lo cho chồng từng bao thuốc lá Bastos Xanh, mà ông say mê và suốt ngày chỉ vui đầu miệt mài với sách vở. Có lúc bà phải đích thân ra chợ mua từng bó rau lạng thịt về chung nhau ăn từng bữa. Có khi bà phải đem bán cả vòng xuyên vàng đeo cổ kỷ niệm ngày cưới để có tiền sinh sống qua ngày. Ông Nhu can trường chịu đựng với bộ quần áo sơmi cụt tay và chiếc quần gabardine. Cảnh sống khem khổ ấy chứng tỏ hai ông bà luôn luôn đảm thắm nhẫn nại trong tính nghĩa vợ chồng, dù trong những phút khó khăn. Nhưng lý tưởng xây dựng một xã hội Việt Nam nhân bản không rời xa những câu chuyện bàn bạc của ông thật say sưa và nhiều mưu lược với bạn bè. Có lúc dường như đam mê chính trị và lý tưởng xã hội lấn át cả những tình cảm và bổn phận gia đình. Đúng là tác phong quên mình của một người có đầu óc chiến lược và tâm nhìn xa trông rộng. Từ khi lựa chọn sinh viên của École des Chartes, câu Nhu đã bộc lộ một trí thông minh sắc sảo, một con người có óc tổ chức khiến nhiều người phát ghen, nhưng lại nể phục!

Sau khi ông Ngô Đình Diệm qua Mỹ (1950), ông Ngô Đình Nhu về Sài Gòn liên lạc với các tôn giáo, đảng phái, xuất bản **Nguyệt San Xã Hội**, phổ biến tư tưởng chính trị của ông. Tháng 09-1953, ông tham gia Phong Trào Đại Đoàn Kết và Hoà Bình với tư cách đại diện Công Giáo. Phong Trào này họp tại Sài Gòn ngày 6-09-1953 qui tụ các đại biểu Công Giáo, Cao Đài, Hoà Hảo, Bình Xuyên, Đại Việt, Việt Nam Quốc Dân Đảng và một số nhân sĩ, trí thức Trung, Nam, Bắc...tất cả 65 đại biểu.[17]

Năm 1954, trước tình hình nghiêm trọng có thể xoay chuyển số phận đất nước, sau khi căn cứ Điện Biên Phủ của Pháp bị thất thủ (07-05-1954), Quốc Trưởng Bảo Đại đã cử Ông Ngô Đình Diệm làm Thủ Tướng (toàn quyền): ngày 07-07-1954, Thủ Tướng Ngô Đình Diệm trình diện Tân Chính phủ tại Sài Gòn, Ông Ngô Đình Nhu làm Cố Vấn Chính Trị cho Ông Diệm, một chức vụ mà không bao giờ được bổ nhiệm chính thức đến khi ông bị sát hại ở độ tuổi đang sung sức, ít ra về nhận thức và kinh nghiệm chính trị.

Ông Nhu là một lý thuyết gia cừ khôi xây dựng chủ nghĩa Nhân Vị và là một nhà chiến lược chính trị sâu sắc đến độ đam mê. Như một cặp bài trùng, đã hết sức giúp ông Diệm ổn định tình hình, đối phó với các tổ chức chính trị đối lập tại miền Nam, có cả hoạt động bí mật của Cộng Sản ở miền Nam trong lúc các sinh hoạt của Cộng Sản Việt Nam đều công khai ở miền Bắc...

Ông thành lập đảng chính trị Cần Lao, dựa vào một chủ thuyết về cơ bản do ông khởi xướng là **Học Thuyết Cần Lao - Nhân Vị** để hỗ trợ chính quyền của người anh ông. Một phần nào vận dụng viện trợ của người Mỹ, đảng Cần Lao phát triển lên nhanh chóng, thâm nhập vào hàng ngũ quân đội, công chức, trí thức và cả giới kinh doanh và trở thành chính đảng lớn nhất thời bấy giờ. Đồng thời, ông cũng cho thành lập tổ chức "**Thanh Niên Cộng Hòa**" nhằm qui tụ và huấn luyện theo mô hình chặt chẽ và hoạt động tích cực, có hiệu quả do ông làm Tổng thủ lãnh. Một tổ chức khác cũng được thành lập với mục đích như trên, dành cho giới nữ lấy tên là "**Phụ Nữ Liên Đới**" do vợ ông, Bà Trần Lệ Xuân, làm Tổng thủ lãnh. Hai tổ chức này là hai cánh tay nối dài của Đảng Cần Lao Nhân Vị, kiểu như các đoàn thể trong tổ chức Mặt Trận Tổ Quốc của Cộng Sản, nhưng theo mục đích khác biệt nếu không phải là đối lập. Sau khi chế độ suy tàn biết bao xích xích, lời khen tiếng chê đủ điều được dịp nói đến bà, từ phía những người Cộng Sản cùng phen dậu của họ và nhiều cá nhân và đảng phái quốc gia không có thiện cảm hay không đồng ý với cá nhân bà và gia đình họ Ngô Đình.

Trên danh nghĩa là một cố vấn chính trị, nhưng hầu như nhiều nhà chiến lược và nhiều tài liệu đều ghi nhận, ngoài ông Ngô Đình Diệm, ông Nhu mới là kiến trúc sư xây dựng rường cột của chế độ. Ông hoạch định tư tưởng và xây dựng các cấu trúc từ thượng tầng ở trung ương đến hạ tầng ở địa phương, nông thôn của chế độ. Ông Nhu là người khởi xướng chính yếu mọi chủ trương chính sách của nền Đệ Nhất Cộng Hòa. Ông cũng cho lập và trực tiếp điều phối nhiều cơ quan tình báo và mật vụ (có tới 13 cơ quan) với những quyền lực to lớn như có thể bắt giam người không cần xét xử trước.

Trong cuộc đảo chánh ngày 01-11-1963 do phe quân nhân chủ động ông Nhu đã bị thảm sát cùng một lần với Tổng Thống Ngô Đình Diệm vào ngày 02-11-1963 theo lệnh của Mỹ.

Một Hình Ảnh Về Cuộc Đời Của Hai Anh Em Diệm Nhu

Thay cho lời kết luận, người viết chỉ ghi lại một lời chứng của một quân y sĩ VNCH có ý nghĩa "**novissima verba**" đối với người đã chết và những thương tiếc bản thân chế độ, đất nước mà hai ông hết lòng phục vụ, vì lợi ích của cộng đồng dân tộc và nhân dân cho đến chết:

Phục Vụ Đất Nước Đến Chết

"....tôi (tức ông Đôn) quả quyết rằng: "*Không có lời phát biểu công khai nào của tướng tá lúc đó đòi phải xử tử hai ông Diệm và Nhu...*" người ta không khỏi phì cười và chê là lý luận quá ngây thơ (không "*công khai*" tức là phải hiểu "*bí mật*" chẳng?)

Để làm sáng tỏ vấn đề hơn, về điểm này, LM Cao Văn Luận đã viết như sau: *"Khi xác chết anh em ông Diệm được đưa vào nhà thương Saint-Paul thì giây trói quặt cánh khuỷu hai người vẫn còn nguyên.*

"Trên ngực ông Nhu có nhiều vết thương do dao đâm vào và một vết đạn súng lục trên đầu. Trên thân thể ông Diệm chỉ có một vết thương ở đầu.

"Một người lính thiết giáp kể rằng ông Nhung (thiếu tá) (lúc đang nói ở đây ông Nhung chưa được thăng thiếu tá - lời ghi chú thêm của người viết) vốn có một người bà con theo đảng Đại Việt bị bắt và xử tử hay thủ tiêu trong thời kỳ cực thịnh của chế độ họ Ngô, đã cãi vả mắng chửi ông Nhu.

"Ông Nhu nhìn ông Nhung cách lạnh lùng, khinh bỉ, và nói vài tiếng tỏ vẻ khinh miệt.

"Ông Nhung đã giật súng có gắn lưỡi lê của một người lính thiết giáp đâm ông Nhu nhiều lát sau lưng, rồi ông Nhu ngã gục, nhưng vẫn chưa chết ngay, thì ông Nhung bắn một phát đạn súng lục vào đầu. Các cuộc khám nghiệm sau đó, và các phóng ảnh cho thấy ông Nhu bị nhiều vết thương do vật bén nhọn đâm từ lưng chỗ ra bụng, và một vết đạn ở đầu.

"Sau khi ông Nhu bị đâm nhiều lát, ông Nhung đã bắn một phát súng lục vào đầu ông Diệm, và phát đạn này kết liễu cuộc đời ông Diệm ngay lập tức (những tấm hình này, trong cuộc họp báo ngày 5.11.63 tại bộ TTM, Đỗ Mậu đã trưng ra như một bằng chứng cụ thể xác nhận anh em cố TT Diệm đã chết thật, vì lúc đó còn rất nhiều người hoài nghi hai ông chưa chết. (lời ghi chú thêm của người viết (Phụng Hồng)).

" Một người khác kể thêm rằng, khi bắt được hai anh em ông Diệm trói quặt cánh khuỷu, dẫn từ nhà thờ ra xe thiết giáp, tướng Mai Hữu Xuân đã đánh điện về các tướng lãnh tại bộ tổng tham mưu chỉ huy cuộc đảo chánh xin chỉ thị, sau một lúc bàn cãi, các tướng lãnh đã bỏ phiếu với đa số quyết định phải thủ tiêu ông Diệm gấp, vì lo sợ nếu để ông Diệm sống sót, thì một số đơn vị quân đội có thể ủng hộ ông chống lại phe đảo chánh" (7)

Trích dẫn đoạn trên của cha Luận (*cũng là một nhân chứng!*), tôi (người viết Phụng Hồng) muốn nhấn mạnh thêm một lần nữa rằng vụ mưu sát hai anh em cố TT Diệm là **một dự mưu đã được tính toán trước bởi một số tướng lãnh phản bội toa rập với đề nghị của ngoại bang** (*vì nếu không thỏa mãn yêu cầu của họ thì họ không ủng hộ cuộc đảo chánh thì sức mấy mà thành công!*).

Tiếc thay, ông Đôn đã cố tình miêu tả một cách hời hợt, như ngầm đổ lỗi cho đại úy Nhung, sĩ quan cận vệ tay chân của ông Minh, tự ý giết

(trang 238), và mình không có trách nhiệm gì. Tuy nhiên, ta vẫn thấy ở một trang khác, tác giả đã để lộ ý định cho rằng giết TT Diệm là đúng (tr. 250). Chính trong cuốn "Our Endless War" (8), ông Đôn đã viết chương "Diem Must Go" và đã biện minh cho việc giết TT Diệm là hợp lý. Đọc đến đây, người ta bần khoăn tự hỏi nếu ông Đôn chối bỏ hành động cố sát TT Diệm thì tại sao lại ngụy biện vậy? Thật là mâu thuẫn không thể hiểu được! Đó là một sai lầm lớn. [18]

Nếu Hai Ông Không Bị Sát Hại, Số Phận Đất Nước Có Thể Chuyển Biến Tích Cực Khác

Muốn mượn lời người khác, người viết dẫn chứng tác giả Phụng Hồng làm rõ thêm luồng tư tưởng này như sau:

"...tôi (người viết Phụng Hồng) muốn mời bạn đọc tìm hiểu thêm một ý kiến khách quan của một người ngoại quốc, ông **Von Wenland, Đại Sứ Cộng Hòa Liên Bang Đức tại Việt Nam**. Ông này đã tâm tình với cha Luận rất lâu sau ngày đảo chánh. Cha Luận đã viết:

"Trước hết tôi đến gặp Đại Sứ Đức là ông Von Wenland. Ông này phàn nàn về cái chết của ông Diệm và ông Nhu. Tuy nhiên ông biết ông Diệm và chế độ của ông không tránh khỏi một vài tiếng kiếm khuyết nhưng không ai có thể phủ nhận những thiện chí của ông Diệm đối với Quốc Gia."

"Cái chết của ông Diệm làm cho tương lai Việt Nam trở nên đen tối hơn. Tôi còn nhớ một đoạn trong câu chuyện của ông Đại Sứ Đức:

"Tôi không theo tôn giáo nào cả, nhưng tôi tin rằng giờ đây linh hồn ông Diệm sẽ phảng phất nơi đây và sẽ gieo nhiều tai họa cho xứ sở mình."

"Mặt ông đượm buồn, và giọng ông hết sức chua chát. Ông cho biết ông đã đệ đơn từ chức và sẽ rời Việt Nam trong ít lâu." (9)

Và sự thật cũng đã chứng minh một ách hùng hồn như chúng ta đã từng là Nhân Chứng từ 1975 đến nay. Vậy ta có thể kết luận một cách đau lòng rằng "**Cuộc Đảo Chánh 1.11.63 đã làm cho Việt Nam mất vào tay giặc cộng sản Bắc Việt**"

Bạn có đồng ý với tôi [Phụng Hồng] không? Nếu bạn không đồng ý, xin mời bạn hãy đọc tiếp đoạn này:

"....Cái chết của ông Diệm và ông Nhu đã làm cho một số người Mỹ xúc động và quay trở lại có cảm tình với ông Diệm hơn trước. Bộ mặt của những người thay thế ông Diệm cũng dần dần hiện rõ và người Mỹ thấy bộ mặt đó chẳng đẹp để gì hơn."

"Những người Mỹ trong đó có cựu đại sứ Nolting, tướng Harkins, ông Richardson, giám đốc trung ương Tình Báo Mỹ (CIA) tại Việt Nam lên tiếng cảnh cáo rằng cuộc cách mạng 1.11 chẳng những sẽ không cải thiện được tình hình quân sự và chính trị tại Việt Nam như nhiều người Mỹ mong cầu, mà trái lại sẽ làm cho tình hình chung tồi tệ hơn. Những hỗn loạn chính trị đã bắt đầu diễn ra và về mặt quân sự, Quân Đội Việt Nam mãi lo canh gác Sài Gòn và các đô thị lớn để đề phòng phe ông Diệm đã gần như bỏ trống các vùng nông thôn cho Việt cộng." (10) (**sự bãi bỏ quốc sách Ấp Chiến Lược mà Việt cộng từng ghê sợ nhất, là một thí dụ điển hình**-lời ghi chú thêm của người viết [Phụng Hồng]).

Đây là một bằng chứng hùng hồn nhất, một bài học lịch sử đau đớn nhất cho những ai từng tự vỗ ngực huênh hoang cho mình là "*người hùng cách mạng*", và tự đeo lon to nhất để suy gẫm lấy. Và tôi [Phụng Hồng] cũng muốn những người đã "*bái lạy tướng to lon*" để mưu đồ đảo chánh, phản bội chủ mình hãy tự kiểm điểm lại hành động mình mà ăn năn hối lỗi. Nhưng chậm quá rồi! Lịch sử và những vượt biên trên biển cả, những hồn thiêng trong Tết Mậu Thân, trong "*lò luộc người cải tạo*" chắc chắn không bao giờ tha thứ bọn người này! Đó là một sự thật cay đắng mà ai nấy đều đã thấm thía khi phải "*tha phương cầu thực*".

Và sau cùng, tôi [Phụng Hồng] muốn nhân dịp này nhắc lại câu nói để đời của **William Colby**, cựu Giám Đốc Trung Ương Tình Báo đã từng hoạt động nhiều năm tại Việt Nam, và là người am hiểu tình hình chính trị Sài Gòn hơn ai hết, khi hồi tiếc về cái chết của TT Diệm trong cuốn sách mới nhất của ông (11): "**Nếu ông Diệm còn, chưa chắc miền Nam mất.**"[19]

Những Dư Luận Thóa Mạ Chống Đối

Sau khi chế độ sụp đổ thì không biết bao nhiêu lời thóa mạ được nói đến gia đình họ Ngô, nhưng mấy người được tiếp xúc và có nhận xét nghiêm chỉnh quân bình về những con người đó.

Nhà nghiên cứu **Nguyễn Văn Lục** đã tổng hợp đứng đắn những điều được nhiều người phát biểu:

*Nhiều đàm tiếu diễn ra sau 1963, về gia đình ông Nhu, những người như **Hoàng Trọng Miên, Nguyễn Đắc Xuân**...Chỉ nhắc lại một lần cuối.*

*Trong bài ký: "**Theo Đoàn Sinh viên Huế, tham quan con đường 'gặt bão' của anh em Ngô Đình Diệm ở Sài Gòn tháng 11-63**", ông Xuân đã viết với lối viết quen thuộc, ồm ờ nửa hư, nửa thực như sau:*

"Suốt tuần qua báo chí Sài Gòn đăng nhiều phóng sự điều tra về những bí mật trong dinh Gia Long, đặc biệt là những hình ảnh sex mà họ

gán cho là của bà Trần Thị Lệ Xuân – vợ cố vấn Ngô Đình Nhu – người tự mệnh danh là đệ nhất phu nhân VNCH. Do đó khi được vào tham quan, chúng tôi đến ngay phòng ngủ của bà Lệ Xuân phía gần đường Pasteur. Cái phòng này bị dân chúng phá tanh banh. Các sĩ quan chỉ cho chúng tôi hệ thống kính soi được lắp kính bốn mặt tường và họ giải thích rằng bà Lệ Xuân lắp hệ thống kính như thế để mọi hoạt động thân thể riêng tư của bà trong phòng này bà có thể ngắm được từ nhiều phía. Và người ta cũng hướng dẫn cho chúng tôi rằng phòng riêng của Tổng Thống Diệm gần phòng riêng của cô em dâu. Ông Ngô Đình Nhu muốn vào phòng riêng của vợ phải đi qua phòng của anh trai ông. Không rõ thực hư như thế nào, cho đến bây giờ, tôi vẫn chưa hiểu có đúng như thế không và tại sao như vậy”

Về nhóm sinh viên nằm vùng tranh đấu, **Nguyễn Đắc Xuân** viết tiếp:

"Những thành viên trong đoàn sinh viên Huế đi tham quan ngày ấy, hiện nay vẫn còn ở Huế khá đông như nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường, bác sĩ Phạm Thị Xuân Quế, anh Lý Văn Nghiên, ở Đà Nẵng có bác sĩ Lê Quang Tái, ở TP Hồ Chí Minh có Tiến sĩ Thái Thị Ngọc Dự, nhà giáo Nguyễn Đình Hiến, ở Đức có Tiến sĩ Thái Thị Kim Lan, ở Pháp có Lê Thị Thảo; ở Mỹ có Nguyễn Thị Kim Tri, ở Úc có Nguyễn Thị Kim Xuyên v.v...

Ba thành viên chủ chốt trong đoàn nay không còn nữa là Nhà thơ Trần Quang Long (ra trường năm 1965), tham gia kháng chiến và hy sinh ở chiến trường Tây Ninh năm 1968; Nguyễn Thiết đang học năm thứ ba thi thoát ly, phụ trách Thanh niên Thành ủy Huế, hy sinh năm 1968; Vĩnh Kha, về sau làm Chủ tịch Tổng hội Sinh viên Huế, lãnh đạo sinh viên phát động các cuộc đấu tranh chống các chính quyền Diệm mà không có Diệm. Kha mất vì bệnh gan vào giữa những năm Tám mươi."

Một Số Nhân Chứng Trực Tiếp

Dù có những dư luận kiểu đó, ông **Ngô Bảo** (nhà thầu tốt nghiệp trường Mỹ thuật bên Pháp) có trách nhiệm trang trí tư dinh của Tổng thống Ngô Đình Diệm cho ông Nguyễn Văn Lục hay:

*"Phòng ăn dinh Gia Long được trang trí với tranh sơn mài Thành Lễ. Riêng phòng bà Nhu chỉ treo độc nhất một bức anh vẽ bán thân bà Nhu, do họa sĩ **Nguyễn Khoa Toàn** vẽ. Bức tranh vẽ bà Nhu mặc áo cánh lụa, có hơi rõ nét nổi lên phần ngực phía trong làn áo. Chỉ có vậy. Người viết hỏi thêm, có thấy các bức tường chung quanh phòng bà Nhu đều có gương phản chiếu không? Ông Ngô Bảo cho biết: Làm gì có chuyện đó. Tường thường như mọi bức tường nhà khác."*

Chi tiết được ông **Ngô Bảo**, nay đã 78 tuổi, cho biết chúng tôi chắc chắn rằng Nguyễn Đắc Xuân đã bịa đặt, và đám nam nữ sinh viên cùng tham dự buổi tham quan dinh Gia Long đã im lặng đồng lõa.

"Dù chỉ nhìn thoáng qua, ấn tượng về ông còn được ghi nhớ mãi trong tôi. Nhiều ấn tượng còn được ghi khắc trong sổ học trò của ông Nhu có **linh mục Phước**. Lm Phước kể lại cho Nguyễn Văn Lục hay biết:

"là có dịp đi Đà Lạt sau này, có đến thăm thầy cũ. Ông đã hết lời nói về gia đình thầy của mình. Ông Nhu thì học cao, hiểu rộng, tài trí hơn người. Ai ai cũng phải nhìn nhận như vậy.

Còn cụ **Đoàn Thêm** có những nhận xét:

"Về phương diện trí thức, trình độ của ông Nhu rất cao. Học vấn cổ điển và nhân bản của ông rộng và vững. Qua lời nói ề à, kẻ chú ý có thể bắt gặp những nhận xét sâu sắc về người và việc, một sự khó thấy ở ông Diệm, và ít thấy ở người chung quanh."

Bà thì vừa xinh, vừa trẻ đẹp, giữ gìn gia phong nề nếp. Thêm một lần nữa, tôi có một ấn tượng rất tốt đẹp về bà Nhu. Theo cha Phước khi đến thăm ông Nhu cùng với vài người khác ngồi ở phòng khách. Chủ khách đàm đạo trong khi bà Nhu không dám ngồi mà chỉ đứng chắp tay vào nhau để trước bụng."

Đây là cử chỉ của những gia đình có lễ giáo nghiêm ngặt. Ông Nguyễn Văn Lục nghe biết câu chuyện này, khi còn ở ngoài Bắc trước khi có cuộc di cư. Nói xấu một người thì dễ hơn là kính trọng người ta, vì người ta thường thấy cái tiêu cực trong người khác hơn là thấy nét xấu ở nơi mình. "Chân mình thì lấm mê mê, Lại cầm bó đuốc mà rê chân người", đây là cái thói ở đời bên Đông cũng như bên Tây.

Sau gần 10 năm, tác giả **Nguyễn Văn Lục** lại có dịp khác "gặp lại" ông Nhu trong một khung cảnh khác. Hồi ấy, **anh còn là sinh viên Đại học Đà Lạt** nên thường tham dự những buổi lễ do nhà trường tổ chức. Ông Lục nhớ lại:

*"Đôi lần lại có dịp được thấy ông Nhu. Ông không mặc áo bốn túi nữa, mà áo veste. Gương mặt có phần triu nặng ưu tư. Mặc dầu là cố vấn Tổng Thống, ông xuất hiện hết sức low profile. **Ngồi một góc. Im lặng. Ai khen thì khen. Ai vỗ tay thì vỗ. Ông vỗ nhẹ tay lấy lệ, còn vẫn ngồi bất động như thể đang nghĩ về một vấn đề gì khác. Gần như ông không chú ý đến ai cả. Có cảm tưởng như ông bắt buộc phải ngồi đó.** Có thể ông ghét những thói bề ngoài rình rang với đôi chút tâm bỗ, xu phụng. Cả buổi lễ, ông chỉ ngồi chống tay trên thành ghế. Không nhúc nhích, không nói nửa lời."*

Cụ **Đoàn Thêm** nói tiếp về con người ông Nhu "cử chỉ lạnh lùng bắt người ta nhớ đến câu của Racine gán cho Néron: '**Ami ou ennemi, il suffit qu'on me craigne**' (Bạn hay thù, miễn là họ biết sợ mình là đủ)."

Phần tôi, có lẽ chẳng có lệ thuộc gì với ông, tôi nhìn chăm chăm vào ông. Kính phục thì có, sợ thì không.

Tôi dành cả buổi lễ quan sát ông không sót một cử chỉ nào. Ông khác hẳn các viên chức như các ông Trương Vĩnh Lễ, Trương Công Cửu. Cụ Lễ thì khúm núm ra mặt. Các ông lần lượt lên rước lễ mà chắc hẳn ông Nhu không hề chú ý đến những cử chỉ, thái độ của mấy ông này.

Ông không phải là loại người của đám đông.

Cứ nghĩ lại coi, trong 9 năm cầm quyền. Có bao giờ thấy ông Nhu xuất hiện công khai, đăng đàn diễn thuyết (chỉ trong trường hợp thuyết trình học tập như ở Suối Lồ Ổ) đao to búa lớn, hay hình ảnh đăng dài dài trên báo hà rần, cờ xí, duyệt binh, gấn lon gấn chậu, tiền bạc xa hoa, xe cộ tiền hô hậu ủng.

Không. Ông Nhu ít xuất hiện, ít phô trương. Ngược lại kín đáo, nấp sau bóng dáng Tổng Thống."

Căn cứ vào các số báo **Lập Trường, Hành Trình, Đất nước và Trình bày sau 1963**. Ông Lục không hề nghe thấy một lời phê phán về cá nhân ông Ngô Đình Nhu. Tiền bạc không, nhà cửa dinh thự không. Mấy ai đã làm được như vậy?

Cụ **Đoàn Thêm** viết về ông Nhu đã sống như thế nào:

"Tôi còn ghi nhận những ống quần nhàu không ủi, chiếc sơ mi hở cổ cộc tay và hơi cũ, đôi dép da quai sần. Y phục sức quá sơ sài của em một Thủ tướng khiến tôi phát ngượng, lúng túng trong bộ đồ lớn của tôi. Tôi càng thấy khó hiểu, khi mục kích ông co ro cùng vợ con trong một căn phòng nhỏ hẹp trên lầu dinh Độc lập, tuy còn những phòng rộng rộng lớn và đẹp hơn. Theo một người thân cận, thì ông không muốn ở trong Dinh, chỉ chờ dịp dọn đi, nhưng Ông Diệm không nghe, quyết giữ ông lại để còn luôn luôn hỏi việc. Căn cứ vào những lời ông nói và nếp sống bề ngoài của ông, tôi đã kết luận rằng ông tránh tiếng lợi dụng quyền lực và địa vị của ông anh ... Ngay cả hai chữ cố vấn cũng chỉ là nhận bất đắc dĩ."

Vẫn theo lời kể của cụ **Đoàn Thêm**:

"Đến khi cần cử ông qua Pháp thương thuyết với thủ tướng Edgar Faure, một số người trong chánh phủ thấy ông phải đi với một danh nghĩa chính thức hơn là với tư cách bào đệ ông Diệm. Nên hai chữ cố vấn đã được đem dùng để đồng thời thừa nhận một sự vẫn được coi là hiển nhiên. Ông cũng biết là không tránh được chức vị... Ông Nhu không thoát khỏi lệ

thường, nên chỉ tới đầu 1956 là ông hết phản đối (Không chịu người ta gọi là ông cố vấn).

Ai đã từng đọc cụ **Đoàn Thêm** thì đều hiểu rằng, cụ viết cẩn trọng, tương đối khách quan, khen có mà chê cũng có. Như thế những nhận xét của cụ nên coi là khuôn thước, tránh được cái tệ nạn xuyên tạc hay xưng tụng quá đáng.

Ông cố vấn sống thanh đạm và đơn giản như thế, thì chắc người phụ nữ nào làm vợ ông cũng phải là người biết "liệu cơm gắp mắm"

Tư cách trí thức biết điều là ở chỗ ấy. Người ta nhìn lại, những người thay thế ông sau này. Một khi có quyền bính trong tay, họ đã hành xử thế nào? Như ông Đỗ Mậu làm phó thủ tướng văn hóa, dù chỉ trong một thời gian ngắn, ông xuất hiện nhiều lần hơn gấp bội ông Ngô Đình Nhu trong 9 năm làm cố vấn?

Có một vị nào sau này lên cầm quyền có một phong cách trí thức như một Ngô Đình Nhu và tư cách một kẻ sĩ như một Ngô Đình Diệm?

*Người ta chỉ muốn nói về CON NGƯỜI mà không đề cập đến chính trị. Hay nói như cụ Đoàn Thêm, **chế độ đệ nhất cộng hoà là nhân trị hơn pháp trị**. Nhưng nếu làm người mà không xứng đáng thì nói chi đến thứ khác? [20].*

Vận Động Chính Trị ở Hải Ngoại: ông Ngô Đình Diệm

Trở lại cuộc vận động hải ngoại cho ông Ngô Đình Diệm, thì thực ra, theo GS Tôn Thất Thiện, cuối năm 1949, Cụ Diệm khước từ lời của Cựu Hoàng Bảo Đại mời ông làm Thủ Tướng vì cho rằng Hiệp Định Cựu Hoàng vừa ký với Pháp (Hiệp Định Elysées) không mang lại độc lập thực sự cho Việt Nam, nhất là về ngoại giao. Sau đó, ông nhận lời cùng với Giám Mục Thục đi một vòng thế giới nhân dịp GM Thục đi tham dự một hội nghị các giám mục của Giáo hội Công giáo ở La Mã. Hai ông đi Nhật Bản, rồi từ đó sang Hoa Kỳ. Sau mấy tuần ở Hoa Kỳ, hai ông sang La Mã. Mỗi người sinh hoạt theo kế hoạch riêng biệt. Sau khi tham dự hội nghị giám mục tại Rôma, Đức cha Thục đi hành hương ở Tây Ban Nha, rồi về Việt Nam, còn ông Diệm thì đi Thụy sỹ và Pháp.

Trong thời gian ở Paris ông Diệm gặp lại người em Ngô Đình Luyện và gia đình ông này. Ông gặp lại Võ Văn Hải, một người hăng say sát cánh bên ông trong những năm 1945-1949. Ngoài ra, ông có sở thích đi bộ quan sát Paris, và viếng các nhà thờ lớn. Ông đi bộ nhiều đến nỗi viên mật thám có nhiệm vụ trông coi ông phải than trời "ông này điên rồi! ông muốn thăm hết Paris, mà toàn đi bộ!". Tất nhiên cũng có nhiều người tìm gặp ông. Vì vậy mà nhà chức trách Pháp muốn ông ra khỏi đất Pháp.

Đúng lúc đó có tin Tu viện Maryknoll ở New York mời ông sang với tư cách làm nhân viên giảng dạy đặc biệt, nên ông Diệm đi lại Hoa Kỳ. Giữa năm 1953, ông lại đi Âu Châu, trú tại Tu viện Biển Đức Thánh Anrê (Couvent Bénédictine de Saint André) ở Bruges, Bỉ (Belgique). Thường những quyết định lớn về Việt Nam diễn ra ở Paris, nhưng lại hay gây ồn ào, và bị mật thám Pháp rình mò, nên ông chọn qua Bỉ gần Paris, mà tránh được cả hai thứ phiền phức trên.

Mùa Thu năm 1953 tình hình Việt Nam sôi động, ảnh hưởng đến tình hình chính trị Pháp với viễn ảnh điều đình lập lại hoà bình ở Đông Dương. Đặc biệt trong trường hợp ấy, có tiếng đồn Ông Ngô Đình Diệm sẽ là Thủ Tướng Việt Nam. Thật ra, đây chính là thời gian Cựu Hoàng Bảo Đại bắt đầu tìm liên lạc với Ông Ngô Đình Luyện để "*nối lại tình xưa*", vì hồi nhỏ, trước Thế Chiến II, hai ông là bạn chơi với nhau ở Paris. Nhưng Ông Luyện thừa hiểu người Cựu Hoàng muốn móc nối không phải là ông mà là ông Diệm.

Để năm tình hình rõ hơn, ông Diệm sang Paris, nơi có nhiều chính khách Việt Nam, và quyết định về Việt Nam - vẫn đang bị Pháp chi phối. Muốn kín đáo hơn, ông không ở với Ông Luyện, trong vùng Choisy, ngoại ô Paris, mà ở với ông Tôn Thất Cẩn, trong vùng Gentilly, ngay sau khu Học Xá Đại Học Paris. Ông Cẩn là con của Quận Vương Tôn Thất Hân, từng làm Phụ Chính, kết thân với bản thân ông Ngô Đình Khả. Ông Hân đã lên giúp ông Ngô Đình Khả trong thời gian ông này khốn đốn vì bị tước hết chức vụ, mất hết bổng lộc, vì không chịu ký kiến nghị truất phế Vua Thành Thái. Chính ở đây mà ông Tôn Thất Thiện, em ruột ông Cẩn, hội kiến ông Diệm lần đầu qua trung gian ông Thuyên, người phụ giáo cho gia đình ông Hân.

Ông Diệm tiếp ông Thiện khoảng một giờ. Ông trình bày tình hình quốc tế, và nói: mình may mắn hơn Tàu, vì người Trung Hoa ở Đài Loan không có hy vọng lấy lại được Lục Địa, còn Việt Nam có nhiều may mắn hơn. Ông cũng kể về những năm phải nghỉ việc, dành thì giờ nghiên cứu thuyết cộng sản, đọc sách, trồng hoa, nhất là Hoa Hồng. Ông muốn một thể chế tối thiểu ngang với "*Dominion*" như các Dominion Anh. "*Dominion*" là danh từ chính ông dùng. Ông không nói gì về thể chế Việt Nam tương lai, nhưng căn cứ trên lý lịch và nếp sống gia đình, và cách ông cư xử với Cựu Hoàng Bảo Đại, có thể chế độ ông thích là quân chủ lập hiến.

Lúc ông được bổ nhiệm làm Thủ Tướng, rất ít người hiểu rõ về ông. Tôn Thất Thiện nhờ các chi tiết ông cung cấp để viết bài gởi về Việt Nam qua đại diện Việt Tán Xã ở Paris, với tựa đề: "*Ông Ngô Đình Diệm là ai?*". Đó là tài liệu trung thực đầu tiên nói về ông mà báo chí phổ biến rộng rãi. Tôn Thất Thiện hỏi Ông khuyên những người trẻ phải làm gì. Ông nói: "*Các anh nên vô làm việc trong các cơ quan đi, để lấy kinh nghiệm sau ni*

mà làm việc". Tuy thấy đây là một lời khuyên hơi lạ, vì thanh niên lúc đó có xu hướng "*chờ thời*" giữa hai bên là làm việc với một Chính phủ thì Chính phủ Bảo Đại (mang tiếng "theo Pháp") hay Chính phủ Hồ Chí Minh (đang ở trong rừng, nhưng Cộng sản).

Thực sự suy nghĩ cho cùng, thì muốn làm được việc, phải có kinh nghiệm về hành chánh quản lý công việc, tổ chức guồng máy và nhân sự cùng vận động quần chúng; mà muốn có kinh nghiệm đó, thì con đường tốt nhất là phải làm việc trong các cơ quan chánh phủ. Trả lời phỏng vấn, lúc đó một chính khách cộng sản Pháp nói: "***Nên tham gia chính phủ, vì ở trong chính phủ mới được đọc được hồ sơ và hiểu rõ tình hình.***" Chính ông ta biết như vậy nhờ tham gia Chính phủ Liên hiệp của de Gaulle lúc de Gaulle cầm quyền sau Thế Chiến II. Điều này giải thích tại sao ông Diệm lại tin dùng những người như ông Nguyễn Ngọc Thơ và công chức cao cấp các thời trước, kể cả thời Pháp. Những ý nghĩ và kiến thức cùng kinh nghiệm làm việc đã chinh phục thiện cảm và tin tưởng hơn vào ông Diệm trong giới thanh niên.

Tài liệu CS và một số thành phần không ưa ông Diệm, đã ghi lại một số tình tiết với thâm ý làm sai lệch sự thật là gán ghép Mỹ và Công Giáo chủ mưu đưa Ông Ngô Đình Diệm và phe cánh của ông lên nắm quyền. Tài liệu tiêu biểu mới đây là một điều sai sự thực, trong lúc chính quyền CS bề ngoài nói là muốn xóa bỏ quá khứ để xây dựng đoàn kết dân tộc. Tài liệu "***Trần Lệ Xuân: Giác Mộng Chính Trường***" và nhiều tài liệu khác xuất bản vào giai đoạn này do Nhà Xuất Bản Công An Nhân Dân có ý nghĩa gì, khi chủ tình nói sai sự thật và chỉ theo quan điểm Cộng Sản.

Thực ra, năm 1950 ở Roma có hội nghị các giám mục trên thế giới, Giám Mục Ngô Đình Thục được mời tham dự. Nhân dịp này ông Diệm xin đi theo. Trên đường đi, hai người ghé lại Nhật Bản xin gặp một số chính khách Nhật và Việt xem họ có giúp được gì không. Sau đó tại Roma, ông Diệm được Giám Mục Thục giới thiệu với Hồng Y Giáo Chủ Spellman là giáo chủ của Mỹ để xin giúp đỡ cho Diệm. Spellman đồng ý.

Năm 1951, Diệm bay sang Mỹ và được Hồng Y Spellman đỡ đầu cho vào ở trong tu viện Maryknoll tại Lakewood thuộc bang New Jersey, Diệm ở đây hai năm. Thời gian này ở Đông Dương, Pháp đang bị Việt Minh đánh tới tấp. Pháp cầu cứu Mỹ giúp khí giới, nhưng Mỹ lừng khừng vì thâm ý của Mỹ là muốn cho Pháp bại trận, để sau đó nhảy vào giành phần.

Ông Diệm rời Mỹ vào tháng 3.1953, ở Paris ít lâu rồi sang Bỉ lưu trú tại Tu Viện Bénédictine. Một năm sau, ông Diệm lại trở về Paris để nghe ngóng tình hình Đông Dương.

Các con bài của Nguyễn Văn Tâm rồi hoàng thân Bửu Lộc do Bảo Đại chỉ định làm thủ tướng theo chỉ thị 24 của Pháp không tạo được hậu quả

nào, trong khi đó Pháp thất bại ở Điện Biên Phủ chỉ còn là vấn đề thời gian. Đến lúc này Mỹ thực sự nhảy vào cuộc, đề nghị Pháp dùng lá bài Ngô Đình Diệm. Nhưng Bảo Đại không chấp thuận ông Diệm thay ông Bửu Lộc vì Bảo Đại vẫn còn cảm hận ông Diệm đã bỏ Bảo Đại để rút lui về vườn. Thêm một lý do nữa vì lúc ấy Bảo Đại đang chịu sự chi phối của Bình Xuyên do Bảy Viễn cầm đầu về vấn đề tài chính.

Một mặt Mỹ ép Pháp thay đổi chính phủ tại Việt Nam bằng cách dùng lá bài Ngô Đình Diệm do Mỹ đưa ra; mặt khác Ngô Đình Thục tích cực vận động giới Công giáo La Mã, Pháp và nhất là Mỹ phải đưa Ngô Đình Diệm ra gặp thì mới hy vọng cứu Việt Nam khỏi bị Việt Minh thống trị! Đồng thời Ngô Đình Luyện cũng gặp Bảo Đại để dàn xếp cho Diệm về nước lập chính phủ vì từ lâu Luyện rất thân với gia đình Bảo Đại...(t. 23, sđd.)

Thời gian 1953-54, Pháp bị tấn công mạnh ở Việt Nam, khi có thêm hậu thuẫn từ Trung Quốc Cộng Sản, sau khi toàn thể lãnh thổ bị Cộng Sản Trung Hoa chiếm quyền thống trị.

Tóm Tắt Hoạt Động Thực Tế Phức Tạp Khi Năm Chính Quyền

Khi lên năm chính quyền, chế độ mới do hai ông Diệm Nhu hoạch định thừa hiện phải đối phó với nhiều vấn đề nhiều khê, có thể làm nguy ngập đến thể thống đất nước. Một cách tổng lược, người ta có thể đưa ra một hình ảnh vắn tắt như sau

Những Việc Cụ Thể Chế Độ VNCH I Đã Thực Hiện:

1. Tổ chức việc tiếp chuyển, định cư di dân từ miền Bắc vào miền Nam và bố trí trại định cư theo địa điểm chiến lược, hình thành cấu trúc ban đầu cho một mạng lưới Ấp Chiến Lược, giải quyết vấn đề dân sinh và an dân chống lại hoạt động của Cộng Sản từ miền Bắc xâm nhập miền Nam qua đường rừng núi chủ yếu bên Lào và đường thủy (sông rạch và biển cả)

2. Đoàn kết các đảng phái chính trị, lực lượng quân sự, chủ yếu dựa trên tôn giáo hay địa phương: các tổ chức Bình Xuyên, Cao Đài, Hòa Hảo, Phật Giáo, Công giáo, Tin Lành, các lực lượng chính đảng khác như Đại Việt, phe Bảo Hoàng, lực lượng ủng hộ quyền lợi thực dân Pháp, trong một mặt trận thống nhất dựa trên một ý thức hệ và hoạt động Chủ Nghĩa Nhân Vị, đối lập với ý thức hệ và hoạt động chủ nghĩa Cộng Sản.

3. Tổ Chức Quân Đội Quốc Gia Độc Lập từ cơ sở những lực lượng trong quân đội Pháp: Địa Phương Quân, Bảo Chính Đoàn, thành một lực lượng chính quy, hiện đại có kỷ luật, có tổ chức, có huấn luyện, đủ khả năng phòng vệ và tác chiến hữu hiệu với doanh trại, quân trang, quân dụng, vũ khí, từ cá nhân binh sĩ ở các cấp tiểu đội, trung đội, đại đội, tiểu đoàn,

trung đoàn, sư đoàn, các lực lượng lên đến quân đoàn vùng chiến thuật I, II, III, IV với yểm trợ cần thiết ban đầu của nhiều nước, nhất là Mỹ.

4. Xây dựng Lực Lượng Cảnh Sát Công An từ các bộ phận còn mạnh mún phục vụ cục bộ của nhiều nhóm, nhất là của Bình Xuyên, thành một Đơn Vị Cảnh Sát Công An Quốc Gia Độc Lập thống nhất. Hình thành mạng lưới an ninh duy trì cảnh vệ trật tự các cơ sở hành chính quan yếu của quốc gia.

5. Tổ chức chính trị nòng cốt là thành lập chính đảng Cần Lao Nhân Vi tôn trọng nhân vị và yêu mến cần lao để kiến thiết bản thân và đất nước, chống lại chủ nghĩa và hoạt động phá hoại của Cộng Sản. Ngoại vi của lực lượng Cần Lao Nhân Vi là qui tụ động viên thành phần chủ yếu là thanh niên vào hai tổ chức chính: Thanh Niên Cộng Hòa và Phụ Nữ Liên Đối.

Từ chính đảng nòng cốt này có thể vận động thanh niên nam nữ và nhiều thành phần nhân dân vào công cuộc xây dựng, phát triển đất nước chống lại hoạt động theo xu hướng của chủ nghĩa Cộng sản. Tạo thành một phong trào Cách Mạng Quốc Gia, ây dựng đât nước, nhất tâm đối phó với Cộng Sản

6. Tổ Chức hệ thống chính trị dân chủ với ba lãnh vực Hành Pháp (Tổng Thống), Lập Pháp (Quốc Hội) Tư Pháp (Hệ Thống Tòa Án), với bầu cử dân chủ chọn người làm việc từ trong các thành phần giáo phái chính đảng quốc gia trong tình trạng đối phó với hoạt động xâm nhập, phá hoại dưới nhiều hình thức của Cộng Sản, cụ thể là Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam.

7. Một Giải pháp chính trị chiến lược thực tế đa hiệu, chống lại Cộng sản là chính sách Ấp Chiến Lược. Ý nghĩa chính thức của tổ chức này là kêu gọi tổ chức nhân dân tập trung vào các ấp chiến lược, nhất là tại những vùng dễ xâm nhập hoạt động của cộng sản, nhưng có lợi điểm cư trú và hoạt động kinh tế nông nghiệp, kỹ nghệ, lâm ngư nghiệp, giáo dục của nhân dân.

Khi dân chúng tự nguyện tự giác vào sinh cư tập trung gọn gàng và kỷ luật trong các ấp này, thì tất cả những thành phần còn lại bên ngoài các ấp (khu trù Mật và Dinh Điền) là Cộng Sản hay hoạt động đi theo ủng hộ Cộng Sản. Du kích Cộng Sản sẽ lần lượt bị ngăn chặn, tiêu diệt vì không còn chỗ dung thân và sinh sống. Tổ chức này hữu hiệu làm nguy ngập cho tổ chức hoạt động của Cộng sản, nên CSVN mới phản tuyên truyền, xuyên tạc là bắt gom dân vào Ấp Chiến Lược, và thành lập Mặt Trận Dân Tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam

Nhưng Kế Hoạch Do Chế Độ Xây Dựng Có Những Khuyết Điểm Sau:

1. Quyền lợi, nhận thức cá nhân và đoàn thể khác nhau về tôn giáo và chính trị xã hội muốn xây dựng dân chủ tự do vội vã đốt giai đoạn, đã cản trở hoạt động phát triển dân chủ thống nhất của nhà nước, trong tình thế phải đối phó với các hình thức xâm nhập và hoạt động của Cộng Sản.

2. Hoạt động tuyên truyền, đồng khởi, phá hoại của Cộng sản đánh phá nhiều mắt xích trong hệ thống hành chính địa phương và trong hệ thống Ấp Chiến Lược ở các vùng sâu vùng xa, và các địa điểm chiến lược, khi tổ chức chiêu hồi và ấp chiến lược tỏ ra nhiều thiệt hại bất lợi cho Cộng Sản.

3. Hệ thống quản lý đất nước bị lạm dụng, nên có xu hướng thiên về gia đình trị, công giáo trị gây hoài nghi cho nhiều thành phần nhất là Phật Giáo, trong việc kết nạp vào Đảng Cần Lao Nhân Vị và nhiều hoạt động khác như tổ chức an ninh (mật vụ, tình báo, cảnh sát, thanh niên, quân đội).

4. Sự can thiệp xen lẫn lộ liễu mạnh bạo của Mỹ từ yểm trợ nhẹ nhà đến hoạt động hành quân của cả một lực lượng lớn trên lãnh thổ một đất nước độc lập có chủ quyền với nhiều phương tiện doanh trại, tổ chức nhân vật lực phức tạp.

Điều này tạo cơ hội cho tuyên truyền Cộng Sản về nhiều mặt. Khi các cảnh chiến tranh tàn bạo được chiếu trực tiếp trên truyền hình các gia đình Mỹ hằng ngày đêm đã dần dần tạo nên phong trào phản chiến, đòi chính quyền Mỹ phải rút về mau lẹ, tạo một khoảng trống cho quân đội còn dòn mỏng của VNCH, chưa kịp tổ chức xây dựng, bổ sung về quân số và huấn luyện và thiếu vũ khí tối tân, so với lực lượng vũ khí và mưu lược đối trá của Cộng Sản,

5. Phong trào Đồng khởi từ Bến Tre và Biển Cỏ Tổng Công Kích Tết Mậu Thân trên lãnh thổ VNCH II là một hoạt động liêu lĩnh của Cộng Sản khi hệ thống Ấp Chiến Lược đã chứng tỏ có hiệu quả đã đẩy CSVN đến chỗ phải hành động để sống còn. Sự tàn bạo và đối trá của Cộng Sản trước Việt Nam toa rập với ý chí chủ bại và phản bội của Mỹ đã đưa đến thắng lợi trước mắt của CSVN ngày 30/4/1975. Việc hủy bỏ hệ thống Ấp Chiến Lược sau khi lật đổ chế độ VNCH I là một hành động phá hoại chiến lược, chuẩn bị xa nhưng mau hơn cho sự chiến bại của miền Nam

Gia Đình Bên Ông Ngô Đình Nhu

Gia đình họ Ngô Đình^[21], nguyên quán ở đất Quảng Bình, ông cố tổ là dân bản hàn sống nghề chài lưới. Khi đạo Công giáo truyền đến vùng này từ thế kỷ 17, thì tổ tiên của dòng họ Ngô Đình đã tin đạo. Đời ông **Ngô Đình Khả** đức tin đó vẫn được củng cố và phát triển. Là một thanh niên chăm chỉ đạo đức mà lại thông minh, cậu được theo học cả

chữ Hán lẫn chữ Pháp. Cậu được gửi du học ở trường chủng viện Thánh Giuse ở Penang (Mã Lai), cùng với **Nguyễn Hữu Bài**, với ý định được huấn luyện để trở thành Linh Mục. Nhưng vì không được ơn gọi làm Linh Mục, cả hai cậu Khả và Bài đều trở về Việt Nam và sau này trở thành thông gia, vì có một quá trình dài học tập và hiểu biết lẫn nhau.

Về nước, vì giỏi về ngoại ngữ, ông Khả và ông Bài đều được tuyển làm thông dịch viên. Làm việc xuất sắc có nhiều kết quả, Khả được trọng dụng và thăng chức rất nhanh. Khi vua Thành Thái mất chức, thì Khả cũng mất chức Phụ Đạo Nam Triều. Gia đình Ngô Đình Khả cư ngụ tại Phú Cam, nơi có một xứ đạo kiên trung của đất Huế.

Ông Ngô Đình Khả có tất cả:

Con cả là **Ngô Đình Khôi** (1885?-1945) lập gia đình với người con gái của Nguyễn Hữu Bài.

Con thứ hai là **Ngô Đình Thục** (1897-1985) từng du học tại Rôma năm. Từ 1919-1927 du học Roma: Tiến sĩ Triết học (1922), Tiến sĩ Thần học (1926), Tiến sĩ Giáo luật (1927). Qua Pháp học Đại Học Công Giáo Paris: Cử nhân Triết học (1929). Khi về nước giữ nhiều chức vụ trước khi làm Giám Mục Vĩnh Long, rồi Tổng Giám Mục Huế.

Con thứ ba là **Ngô Đình Diệm** (1901-1963), từng làm Tuần Vũ Bình Thuận, rồi Thượng Thư Bộ Lại triều Bảo Đại (1932).

Năm 1918 thi vào trường Hậu Bổ, sau 03 năm tốt nghiệp, lần lượt giữ các chức vụ từ Tri huyện Hương Thủy (1922), Tri huyện Quảng Điền (1923), Tri phủ Hải Lăng (1925), Quản đạo Ninh Thuận (1927), Tuần vũ Bình Thuận (1930), Thượng Thư Bộ Lại (1933) được hơn 02 tháng thì từ chức... Năm 1945 bị Việt Minh bắt sau nhờ Đức Giám Mục Lê Hữu Từ can thiệp, được trả tự do. Năm 1950 qua Roma rồi qua Hoa Kỳ. Ngày 07-07-1954 về nước chấp chánh giữ chức Thủ Tướng toàn quyền do Quốc Trưởng Bảo Đại chỉ định.

Sau cuộc "trưng cầu dân ý" tháng 10-1955, được dân bầu lên làm Quốc Trưởng rồi Tổng Thống tại Miền Nam VN đối lập với chế độ Cộng Sản tại Hà Nội do Hồ Chí Minh lãnh đạo. Ông có công ổn định tình hình, thống nhất quân đội, phát triển kinh tế, mở mang giáo dục, xây dựng dân chủ, v.v... Rất tiếc, ngày 01 tháng 11 năm 1963 ông bị phe quân nhân (theo lệnh Mỹ) làm đảo chính lật đổ và bị thảm sát ngày 02 tháng 11 năm 1963. Biến cố 01-11-1963 đã dẫn đến sự sụp đổ của Việt Nam Cộng Hòa ngày 30-04-1975, đưa đất nước vào tay Cộng Sản độc tài!

Con trai thứ tư là **Ngô Đình Nhu** (1910- 1963).

Con trai thứ năm là **Ngô Đình Cẩn** (1912- 1964)

Con trai út là **Ngô Đình Luyện** (1914- 1990), tốt nghiệp kỹ sư công chánh ở Pháp và Anh. Nhiều nhà nghiên cứu lầm lẫn Ngô Đình Cẩn là con trai út

Ông Bà Ngô Đình Khả còn có ba con gái là:

Ngô Thị Giáo, chết sớm năm 1944,

Ngô thị Hoàng, thường gọi là bà Cả Lễ, vì lập gia đình với ông Nguyễn Văn Lễ,

Ngô Thị Hiệp, lập gia đình với ông Nguyễn Văn Ấm, thân phụ của Hy TGM FX **Nguyễn Văn Thuận**. TGM NVT làm Bộ Trưởng Bộ Công Lý và Hòa Bình tại TT Vatican trước khi tạ thế ngày 16/9/2002, tại Rôma.

Hai gia đình Trần Ngô cũng là thông gia môn đăng hộ đối theo Nho giáo cổ truyền.

Gia Đình họ Trần bên Bà Ngô Đình Nhu (Trần Lệ Xuân)

1. Bà Ngô đình Nhu, nữ danh **Trần Lệ Xuân**, sinh tại Hà Nội ngày 24/8/1924, con gái thứ hai của Ông Trần Văn Chương (Luật Sư) và Bà Thân Thị Nam Trân. Ông Bà Trần Văn Chương có ba người con. Con đầu là **Trần Thị Lệ Chi**. Con thứ ba là **Trần Văn Khiêm**.

Lệ Chi lập gia đình với ông Nguyễn Hữu Châu (Luật Sư, Tiến Sĩ Luật ở Pháp). Ông này gốc người Gò Công có họ hàng với ông Nguyễn Hữu Hào, thân sinh ra bà Nguyễn Hữu Thị Lan, tức hoàng hậu Nam Phương, kết duyên với vua Bảo Đại. Khi Thủ Tướng Ngô Đình Diệm trở thành Tổng Thống năm 1956, thì Ông Nguyễn Hữu Châu được bổ nhiệm Bộ Trưởng tại Phủ Tổng Thống. Chỉ mấy tháng sau, chính ông Châu xin từ nhiệm.

Gia đình ông Trần Văn Chương vốn theo Đạo Phật, nhưng từ nhỏ Cô Trần Lệ Xuân đã được gửi học nội trú ở Trường Dòng Nữ Thánh Âu Cơ Tinh, quen gọi là Couvent des Oiseaux. Một thời gian cô nữ sinh Trần Lệ Xuân có theo học Trường Albert Sarraut ở Hà Nội trong thời gian ông Trần Văn Chương hành nghề Luật Sư ở Hà Nội. Chính mấy năm cuối cùng ở trường này, Trần Lệ Xuân đã phát triển các quan hệ thân tình cụ thể hơn với Ông Ngô Đình Nhu. Sau chính biến 1/11/1963, vô số lời đàm tiếu đổ dồn vào bà Ngô Đình Nhu.

2. Sau này, tại California, Ông Nguyễn Văn Lục lại nghe từ những người trước nay từng có cơ hội gần gũi ông bà Nhu, ông Diệm, Ông Cẩn, ông Thục.

Tác giả đã nói chuyện với sĩ quan tùy viên **Lê Châu Lộc**, sau này là nghị sĩ Lê Châu Lộc. Ông Lộc với bản chất trung thực cho biết, ông biết gì nói nấy, có nói có, không nói không.

Ông cho biết 6 năm làm sĩ quan tùy viên cho "ông cụ", kề cận ông cụ ngày đêm. Trong 6 năm đó chỉ gặp bà Nhu trên dưới 10 lần, vì hai ông bà ở khu bên kia dinh Tổng Thống, ít có tiếp xúc qua lại. Ông không mấy thích bà Nhu vì giọng nói của bà Nhu lai Bắc, lai Trung và tính nết tỏ ra cao ngạo. Nhưng đối với tổng thống Diệm thì bà sợ và cử chỉ e dè, khép nép. Không có cái cảnh muốn ra vào văn phòng ông Diệm lúc nào thì vào. Bà là người có phong cách, lịch sự và đàng hoàng.

Ông **Lê Châu Lộc** đưa ra hai giai thoại liên quan đến bà Nhu.

Một lần xe của bà Nhu vào Dinh trong khi sắp có xe của một vị tướng Mỹ sắp đến. **Ông Lộc** đã yêu cầu xe của bà Nhu nhường lối. Bà Nhu vui vẻ nhận lời trong khi người tài xế của bà tỏ vẻ khó chịu. Sau đó bà đã vui vẻ chào.

Một lần nữa, ông Lộc vội vã không kịp chào bà Nhu. Vậy mà việc cũng đến tai "ông cụ". "Ông cụ" cho biết: Lộc nó là sĩ quan, thì chỉ chào sĩ quan có cấp cao hơn, hà cớ gì lại phải chào bà Nhu.

Những chi tiết nhỏ đó cũng cho thấy có nhiều điều xàm tấu, bôi bẩn mà công việc của chúng ta là cần "làm vệ sinh" tẩy rửa những dư luận xấu xa đó.

Chúng nhân thứ hai là nhiếp ảnh gia **Trần Cao Lĩnh**.

Nhiếp ảnh gia Trần Cao Lĩnh là người được chọn chính thức chụp ảnh cho gia đình ông Ngô Đình Diệm trong các buổi lễ chính thức. Vì thế, ông đã nhiều lần ra Huế để chụp ảnh cho gia đình ông Diệm.

Ông đã kể lại một cách sinh động duyên dáng về những nhân vật thời đệ nhất cộng hoà. Nhiều nhà văn, nhà báo đã tham dự và được nghe ông kể về những điều này tại toà soạn báo Nhân Chứng, khoảng năm 1980. Đó là **Mai Thảo, Phạm Đình Chương, Du Tử Lê, Vũ Văn Hà, Thụy Châu, v.v...**

Theo lời kể của Trần Cao Lĩnh, ông đã hết lời đối với gia đình ông Diệm và đặc biệt là đối với bà Nhu. Bà Nhu là loại người phụ nữ chẳng những có ăn học, có giáo dục. Cử chỉ phong cách quý phái, chừng mực lễ độ trong cư xử. Bà không phải loại người bõm xòm, chót nhà, dâm đặng, mất nết như những lời bịa đặt của dư luận ác ý.

Tại Huế, chỉ các đàn ông như các ông Diệm, ông Nhu, GM Thục mới được phép ở nhà trên dùng cơm. Bà Nhu chẳng những sợ và khép nép với ông Diệm mà còn cả với Giám mục Ngô Đình Thục. Theo nhiếp ảnh gia Trần Cao Lĩnh, Bà Nhu không dám tự tiện vào phòng ông Diệm.

Ông Nguyễn Văn Lục muốn viết về vợ chồng ông Nhu, vì ông bà là bị nhiều người hiểu lầm và bực ghét, nhất là bà Ngô Đình Nhu. Nhiều người

không ưa bà, khinh ghét bà nữa. Nhiều người bênh ông Diệm, thương mến ông, nhưng vẫn dè dặt khi nói về ông Nhu, bà Nhu. Nhiều người biết rõ và khó quên câu nói phạm thượng và xúc phạm của bà khi Hoà thượng Quảng Đức tự thiêu.

Theo ông, khi người ta đã trót quý mến ai rồi, thì khó mà nghĩ khác được. Trước đây, có người đã trót quý mến và kính trọng Nam Phương Hoàng Hậu và nay thì đến lượt ông bà Nhu cũng vậy thôi...

Khoảng cách tuổi khá lớn giữa hai ông bà cũng là nguyên nhân gây nên những lời đồn thổi sau này kể từ sau 1963.

Thực ra ít người có cơ hội tiếp xúc với bà Nhu, hiểu biết và kính trọng nhân cách bà Nhu như ông Trần Cao Lĩnh.

Những người ngưỡng mộ và quý mến bà chẳng bao nhiêu. Sau khi nghe ông **Trần Cao Lĩnh** kể về bà, có người đề nghị ông nên viết lại về bà Nhu. Vì không ai có đủ tư cách hơn ông để viết. Nhưng rồi ông cũng đã không làm cho đến khi ông lìa đời. Cũng hiểu được, bênh vực một người "mất nết" như bà Nhu nó khó lắm.

Không mấy ai biết bà, nhưng ghét bà, khinh miệt bà thì quá nhiều. Đàn ông ghét đã đành, đàn bà cũng ghét theo. Đến nỗi người ta cố moi ra sự việc từ những năm 1955 khi chưa có Quốc Hội, chưa có Hội Phụ nữ Liên đới hay phụ nữ Bán Quân sự. Vì thế dưới mắt của quần chúng nói chung, thì bà Nhu là một người phụ nữ "mất nết", ăn mặc hở hang, lơ lửng với chiếc áo dài kiểu mới. Phụ nữ chê bai tư cách của bà trong chiếc **áo dài kiểu mới**, nhưng hầu như giới nữ sinh hay các mệnh phụ phu nhân đều ăn mặc theo kiểu áo dài đó.

Đến độ vào năm 1955, **ông Diệm** chép miệng than thở: Tội nghiệp, Bà Nhu có làm gì đâu? Dù sau cũng chết, chỉ vì bà là một người đàn bà. Bà lại nay nói quá mạnh, cứng rắn trong quan điểm, lập trường, không nhường nhịn ai, lại có vẻ "đành đanh" khiến giới mày râu không chịu được.

Có lẽ người ta phải cầu cứu đến những lời bàn của cụ Đoàn Thâm khi nhận xét về bà Nhu.

Cụ **Đoàn Thâm cho rằng**, dù không làm hay chưa làm việc gì có hại, người đàn bà không thể thừa thế nhà chồng mà xen vào việc chính quyền. Việc bà tham gia vào chính trường, dưới mắt số đông, trái ngược hẳn với hình ảnh cố hữu của phụ nữ Á Đông khiêm nhường, ý nhị, hiền hậu, của người mẹ và người vợ Việt Nam.

Vẫn theo cụ **Đoàn Thâm**, nguyên do sâu xa nhất và đích thật nhất, gây thêm nhiều ác cảm với bà là do bà đã xinh đẹp, mà lại muốn tỏ ra cứng cỏi và đánh đanh nữa thì quá lắm, không chịu nổi. Người ta có thể

nhấn nhin chờ đợi ông Nhu, nhưng đối với bà, bà chỉ xuất đầu lộ diện, thì cũng không được tán thành hay dung thứ.

Nên dù trái hay phải, người đàn bà VN muốn vội sống theo gương người đàn bà tiên phong (avantgarde) Âu Mỹ, kiểu chủ nghĩa nữ quyền, là chưa thể yên thân trên một đất nước mà nhiều người còn ghê sợ những người phụ nữ như Võ Hựu hay Từ Hy.

Tâm lý quần chúng như vậy nên nhiều con mắt dễ chú ý đến những sơ hở và lỗi lầm để buộc lỗi gay go. Mỗi lời nói và việc làm của bà đều có nguy cơ trở thành những cơ hội cho dư luận chỉ trích nghiêm ngặt.

Bi kịch của chế độ khởi đầu từ đó. Người ghét cứ ghét, mỗi ngày mỗi đông thêm, như đòan hội chợ do thể chế tam đầu, lại có thêm một người phụ nữ là bà Ngô Đình Nhu.

Khu biệt thự Trần Lệ Xuân (2 Yết Kiêu, Đà Lạt) lộng lẫy rộng trên 13 ngàn mét vuông vừa được nâng cấp trở thành Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia IV. Nơi lưu giữ hơn 30 ngàn mộc bản triều Nguyễn. (**Nguồn: Kho tàng mộc bản trong biệt thự Trần Lệ Xuân/my.opera.com**)

Ngay như hơn hai chục nam nữ sinh viên đã tham dự trong phái đoàn Huế đi tham quan dinh Gia Long sau khi hai ông Diệm Nhu bị thảm sát. Họ im lặng đồng lõa với **Nguyễn Đắc Xuân**. Họ chấp nhận gián tiếp những gì Nguyễn Đắc Xuân dựng lên bôi nhọ bà Nhu. Chỉ yêu cầu một cô nữ sinh viên trong số họ cho biết những điều Nguyễn Đắc Xuân viết là đúng hay sai. Dĩ nhiên là không dám nói sai, ma nói đúng thì đồng lõa bôi nhọ. Thực ra họ không biết để ma nhớ, mà nói đúng hay sai.

Người ta phải nghĩ thế nào về những sinh viên đã im lặng, không dám lên tiếng về những lời vu cáo của Nguyễn Đắc Xuân?

Người ta có thể tạm quên đi những điều thị phi, những lời khen chê, những lời bôi nhọ dư bản về bà ấy để chỉ nhìn lại kể từ tháng 11/1963 đến nay bà Nhu đã làm gì, nói gì, viết gì, thanh minh cho việc mình làm và đã sống như thế nào?

Kể từ sau tháng 11/1963, bà rút lui vào bóng tối. Không nói, không thanh minh, Cắt đứt mọi giao tiếp với mọi người trước nay từng là những người cộng tác với hai ông Diệm và Nhu. Một vài người đã có dịp gặp bà như các ông **Cao Xuân Vỹ, Lê Châu Lộc, Trương Phú Thứ** đều nhận thấy bà sống ẩn dật, im lặng với quá khứ, lo việc tử thiện. Chắc là tâm trạng và nỗi niềm của bà gần 50 năm này đã diễn ra thật phức tạp, đa đoan, nhưng chỉ tập trung vào gia đình và niềm tin phú thác?

Và trong thời gian đó, bà đã sống đúng nhân cách một người phụ nữ? Những năm tháng ấy đã tẩy rửa những điều hàm oan về tiền bạc, con người của bà?

Thực ra bà đã chết cùng với hai anh ông Diệm Nhu, chôn vùi quá khứ, cuộc sống đã sang một trang mới: im lặng> Điều ấy mang nhiều ý nghĩa: vừa cay đắng, tủi hận vừa sám hối trong tâm tình của một tín đồ.

Những ai từng kết án bà, thì khó thấy bà là loại người tham tiền cố vị, vô tư cách hay thậm chí trắng hoa, mất nết... Người ta phải thấy một bà Nhu sống buông thả, quen biết lung tung, tai tiếng đủ loại sau 01/11/1963.

Nhưng những kẻ thù oán, chuyên đặt điều nói xấu bà cũng không có được chứng cứ nhỏ nhoi nào, bôi nhọ bà.

Bà sống ẩn dật một thời ở Ý rồi sang Pháp, mua hai căn hộ nhỏ, một để ở và một để cho thuê lấy tiền tiêu xài, ngày ngày đi lễ nhà thờ, chuyên chú làm việc từ thiện, lấy kinh nguyện làm lẽ sống.

Một con người như thế, chịu đựng biết bao điều sỉ nhục, tệ bạc, phản trắc, hờn ghét của thế thái nhân tình, khi không còn thời để lợi dụng.

Không phải là dễ mà ai cũng bộ lộ nhân cách ấy, chọn lựa lối sống ấy. Mấy ai đã làm được như bà trong những tháng ngày sau 1963, nếu bắt buộc phải sống như vậy?

Người ta nghĩ bà đang viết nhật ký, nhưng có lẽ chỉ là những tâm sự về đạo nghĩa Những điều Trương Phú Thứ đã viết thật là hiểm hoi và phản ánh cuộc đời im lặng hơn là bận rộn chuyện phù hoa thế sự. Theo ông **Lê Châu Lộc** bà viết nhiều lắm, nhưng không ai biết gì.

Trong cuộc đời này, suốt những năm làm vợ ông Nhu và nhất là từ khi ông bị ám sát, có thể cùng với lời cố vấn khuyên giải nào đó, bà đã chủ động chỉ lo cho gia đình êm ấm và dồn vào sống ẩn dật trong niềm tin Công giáo.

Ông đã chết từ 02/11/1963 và từ ngày ấy ba cũng chết như một góa phụ. Theo kiểu nói của ông Lục, **bà chết đến hai lần: chết cho ông Nhu và nền đệ nhất cộng hoà và chết cho chính mình, cho cuộc sống hiện nay.**

Nói đến hai người phụ nữ danh tiếng tài sắc trong lịch sử Việt Nam cận đại là Nam Phương Hoàng hậu và bà Ngô Đình Nhu, người đời không khỏi cảm cảnh ngậm ngùi, thương cho hai kiếp người "hồng nhan bạc phận"

Trong niềm giận ghét, ác cảm không tránh được của nhiều người, vẫn có nhiều người trân trọng quý mến ông Diệm, tiếc cho ông Nhu và

cám cảnh thương mến bà quả phụ Ngô Đình Nhu. (**Tham khảo Website T.S.C.N. Nguyễn Văn Lộc đã dẫn trên**)



Ảnh được Bettmann chụp ngày 21/10/1963 tại Washington DC - Mỹ, khi bà Trần Lệ Xuân sang Mỹ và có họp báo với báo giới, truyền hình.

3. Tiếp theo liên hệ đến **Trần Lệ Xuân**, ông cụ nội tam đại, tính từ bản thân, là cụ **Trần Văn Thông**, cựu Tổng Đốc tỉnh Nam Định, tuy nguyên quán ở Biên Hòa, đất Gia Định.

Cậu Thông sinh 1875. Cậu Thông thưở nhỏ theo học Trường Chasseloup Laubat, một trường trung học Pháp đầu tiên do người Pháp thiết lập ở Sài Gòn. Chính Hoàng Thân Sihanouk của Nam Vang cũng theo học trường này.

Là Bachelier (Tốt nghiệp Trung Học Tú Tài Pháp) Ban Văn Chương cổ điển 1894. Năm 1907-1911, anh làm công chức trong chính quyền Pháp tại Đông Dương, sau ra Hà Nội ông làm Giám Đốc Trường Hành Chính tập sự (Ecoles de Stagiaires) tại Hà Nội. Chỉ ít lâu sau, ông Trần Văn Thông làm

Tổng Đốc tỉnh Nam Định (Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình) cho đến 1945. ông Trần Văn Thông còn làm hội viên Hội Đồng Tư Vấn Đông Dương, Hội Đồng Bảo Hộ Bắc Kỳ, được thăng chức Đông Các Đại Học Sĩ Nam Triều.

Ông Bà Trần Văn Thông sinh **Trần Văn Chương** năm Mậu Tuất (1898). Cậu Chương từ nhỏ theo học bậc tiểu học tại Hà Nội, rồi gia đình cho đi du học 10 năm ở Algérie. Sinh viên Chương được học bổng theo học Trường Luật ở Paris, đậu **Tiến Sĩ Luật năm 1922**. Năm 1925, Ông Trần Văn Chương trở về Việt Nam, làm việc với tính cách trạng sự tại Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn đến 1935.

Năm 1938, Luật Sư Trần Văn Chương tham gia Hội Đồng Lý Tài Đông Dương, soạn thảo các Luật dân sự Trung Kỳ lên tới Phó Chủ Tịch Hội Đồng Lý Tài Đông Dương.

Trong thời gian tù đày tại Huế, Luật Sư Trần Văn Chương lập gia đình với cô **Thân Thị Nam Trân**, con gái của Đông Các Đại Học Sĩ Thân Trọng Huề.

Làm quan dưới triều vua Khải Định, người vợ kế của **Thân Trọng Huề** là Công Chúa, con gái của Kiến Thái Vương. Như thế Mẹ của bà Nam Trân là em gái vua Hàm Nghi và Đồng Khánh. **Trần Văn Chương trở thành cháu rể vua Hàm Nghi**. Hai họ Trần Thông đều môn đăng hộ đối theo nếp nho giáo cổ truyền.

Năm 1940, Luật Sư Trần Văn Chương mở Văn phòng Luật sư tại 71, đại lộ Gambetta Hà Nội. Khi mới về nước, trạng sư (thầy cãi) Trần Văn Chương mở Văn Phòng ở Bạc Liêu, rồi chuyển lên Sài Gòn trước khi ra Hà Nội. LS TVChương nổi tiếng nhất về vụ kiện cô Cúc giết Huyện Trương, vì bạc tình. Nhờ LS Chương, cô Cúc chỉ bị án ba năm rồi được trả tự do.

Thời CP Trần Trọng Kim sau ngày Nhật đảo chính Pháp ngày 9/3/1945, LS Chương làm Bộ Trưởng Ngoại Giao, Kiêm Phó Tổng Trưởng Nội Các. Khi CP TTK tan ra, thì ông TVChương sống ẩn dật tại Hà Nội, rồi đem gia đình vào Sài Gòn. Sau Hiệp Định Genève 20/7/1954, miền Nam Việt Nam do Bảo Đại nắm quyền, Ông Ngô Đình Diệm làm Thủ Tướng, thì LS TVC được bổ nhiệm chức Quốc Vụ Khanh Phủ Thủ Tướng. Năm 1956, khi ông Ngô Đình Diệm lật đổ Bảo Đại, rồi lên thay Bảo Đại làm Tổng Thống VNCH, thì LS TVC được bổ nhiệm Đại Sứ VNCH tại Hoa Kỳ cho đến khi chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ năm 1963. Trong khi TVC làm đại sứ, thì Bà Thân Thị Nam Trân làm quan sát viên VNCH tại LHQ.

Nhiều người nghĩ rằng ảnh hưởng gia đình trị khá mạnh, cộng với những biện pháp mạnh bạo – vì chưa hiểu và chưa muôn hy sinh trong cuộc đấu tranh với chủ nghĩa Công Sản - đối với những người bất đồng chính kiến dẫn đến việc ông bị xem là có phần nào trách nhiệm trong sự

sự đổ của nền Đệ nhất cộng hòa. Nhưng việc chính quyền Mỹ nhu nhược dựa trên phản ứng của dân chúng Mỹ cùng với hoạt động tình báo của Cộng Sản Việt Nam và quốc tế yểm trợ kích động thêm Đặc biệt là những biện pháp được thực hiện trong vụ đàn áp Phật giáo năm 1963 chủ yếu do tình báo chính quyền Mỹ dàn dựng đã dẫn đến một chuỗi dây chuyền phản ứng dữ dội.

Ngày 1 tháng 11 năm 1963, các tướng lĩnh với yểm trợ mua chuộc của Mỹ đã thực hiện cuộc đảo chính quân sự lật đổ tổng thống Ngô Đình Diệm. Ngô Đình Nhu và người anh phải chạy trốn vào nhà thờ Cha Tam ở Chợ Lớn. Sau khi đã liên lạc dàn xếp với phe đảo chính, vào ngày 2 tháng 11 năm 1963, hai anh em ông Diệm và ông Nhu bước lên xe tank trong đoàn xe quân sự đến đón hai anh em ông về Bộ Tổng tham mưu. Nhưng chính vì tin tưởng vào lời nói của các tướng lĩnh, khi chiếc thiết giáp M 113 chở hai anh em ông về đến nơi thì phát hiện thi thể của hai anh em ông với nhiều vết dao và dấu đạn trên người. Người ta về sau tìm thấy bằng chứng là chính Tướng Dương Văn Minh đã ra lệnh sát hại hai anh em ông Diệm và Nhu.

Hoà Giang Đỗ Hữu Nghiêm

Nguồn:http://www.vcomtech.net/vn/index.php?option=com_content&view=article&id=537:ngo-inh-nhu-mt-nha-chin-lc-i&catid=38:lichsvietnam&Itemid=527